

Số: 138/2020/QĐST-HNGĐ

Phan Rang-Tháp Chàm, ngày 18 tháng 08 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 08 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 476/2019/TLST- HNGĐ, ngày 24 tháng 07 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 08 năm 2020 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1976.

Bị đơn: Vũ Thị N, sinh năm: 1981.

Cùng địa chỉ: Khu phố 1, phường V, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Về việc: “Chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn”.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

*Ông Nguyễn Văn H được quyền sử dụng thửa đất số 69, tờ bản đồ địa chính số 33, diện tích 92m², tọa lạc tại khu phố 1, phường V, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, có vị trí tứ cận:

- Hướng Đông giáp thửa số 27;
- Hướng Tây giáp thửa số 68;
- Hướng Bắc giáp Quốc lộ 27;
- Hướng Nam giáp thửa 26.

Tài sản là nhà, vật kiến trúc và tài sản khác trên thửa 69:

- Căn nhà cấp 4C, cao một tầng, mái lợp tole, nền xi măng, có kích thước $(04 \times 14)m = 56m^2$; trị giá $56m^2 \times 2.150.000đ/m^2 \times 30\% = 36.120.000đ$
- Mái che tole khung gỗ kích thước $(04 \times 04) = 16m^2$; trị giá: $16m^2 \times 347.000đ/m^2 \times 30\% = 1.665.600đ$.
- Nền sân bê tông kích thước $(04 \times 04)m = 16m^2$; trị giá: $16m^2 \times 257.000đ/m^2 \times 30\% = 1.233.600đ$.
- 01 đồng hồ nước; trị giá: 1.128.000đ,
- 01 đồng hồ điện; trị giá: 2.300.000đ,
- Tổng giá trị tài sản là nhà và tài sản khác trên thửa 69 là: $36.120.000đ + 1.665.600đ + 1.233.600đ + 1.128.000đ + 2.300.000đ = 42.447.200đ$.
- Cây trồng trên thửa 69 là: 01 cây măng cầu ta; trị giá: $180.000đ/cây \times 1 cây = 180.000đ$.

Tổng trị giá tài sản mà ông Nguyễn Văn Hải được nhận là: $42.447.200đ + 180.000đ = 42.627.200đ$ (Bốn mươi hai triệu sáu trăm hai mươi bảy ngàn hai trăm đồng).

*Bà Vũ Thị Ninh được quyền sử dụng thửa đất số 68, tờ bản đồ địa chính số 33, diện tích $95m^2$, tọa lạc tại khu phố 1, phường V, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận, có vị trí tứ cận:

- Hướng Đông giáp thửa số 69;
- Hướng Tây giáp thửa số 64;
- Hướng Bắc giáp Quốc lộ 27;
- Hướng Nam giáp thửa 26.

Loại đất trồng cây hàng năm khác có giá $70.000đ/m^2$; trị giá: $95m^2 \times 70.000đ/m^2 = 6.650.000đ$.

Tài sản là cây trồng trên thửa 68:

- 01 cây đu đủ thu hoạch; trị giá: $110.000đ/cây \times 1 cây = 110.000đ$.
- 01 cây bàng lá lớn; trị giá: $70.000đ/cây \times 1 cây = 70.000đ$.
- 01 cây măng cụt tây; trị giá: $250.000đ/cây \times 1 cây = 250.000đ$.

Tổng trị giá cây trồng trên thửa 68 là: $110.000đ + 70.000đ + 250.000đ = 430.000đ$

Tổng trị giá tài sản bà Vũ Thị Ninh được nhận là: $6.650.000đ + 430.000đ = 7.080.000đ$ (Bảy triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

**Về chi phí định giá tài sản và trích lục bản đồ địa chính:* Ông Nguyễn Văn H đồng ý chịu số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng).

**Về án phí:*

Ông Nguyễn Văn H chịu 1.065.680đ (Một triệu không trăm sáu mươi lăm ngàn sáu trăm tám mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019826, ngày 23 tháng 07 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Rang – Tháp Chàm. Ông Nguyễn Văn H còn

phải nộp số tiền 765.680 đồng (Bảy trăm sáu mươi lăm ngàn sáu trăm tám mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Vũ Thị N chịu 177.000 đồng (Một trăm bảy mươi bảy ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Kèm theo Quyết định này là trích lục bản đồ địa chính).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND TP. PRTC;
- CTHADS TP. PRTC;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. PHAN RANG-THÁP CHÀM
THẨM PHÁN**

Trịnh Thị Hồng